

Bản án số: 153/2023/HS-PT
Ngày: 01 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy

Các Thẩm phán:

- Bà Đoàn Thị Hương Giang;
- Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2023/TLPT-HS ngày 13/4/2023 đối với các bị cáo Hà Bảo C, Đỗ Quang H và Nguyễn V Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Hà Bảo C, giới tính: Nữ; sinh năm: 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 127/78 LTH, phường PTH, quận TPhú, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 17/18/15/30/16B L 5-6, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 05/12; con ông TVQ (chết) và bà HN; có chồng (đã ly hôn) và 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 11/4/2021, đến ngày 22/7/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn V Q, giới tính: Nam; sinh năm: 1992 tại tỉnh Long An; nơi đăng ký hộ khẩu: 222 GX, phường BHH A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 42/5A XTT 22, xã XTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Bán hàng online; trình độ học vấn: 12/12; con ông NTH, sinh năm: 1960 và bà NTT, sinh năm 1958; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Đỗ Quang H, giới tính: Nam; sinh năm: 1991 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu: 44/13 TPP, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở

hiện nay: 44/41 TPP, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 09/12; con ông ĐTS (chết) và bà LTKP; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 12/4/2021, đến ngày 22/7/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa:*

1. Ông ĐTT, Luật sư Văn phòng Luật sư ĐTT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Hà Bảo C (có mặt).

2. Ông BTV, Luật sư Văn phòng Luật sư V P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn V Q (có mặt).

- *Bị hại:* Công ty TNHH Thời trang NS.

Trụ sở: 199 HBT, phường VTS, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông TAS - Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NNT (có mặt).

Địa chỉ: 37/9M XTĐ 2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 20 ngày 11/4/2021, Tổ công tác Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra phát hiện Hà Bảo C đang điều khiển xe mô tô biển số 59K1-26753 cùng con ruột là Sầm Thử D đang điều khiển xe mô tô biển số 59D2-994.26 vận chuyển hai bao hàng hóa, bên trong có tổng cộng 170 cái mũ bảo hiểm ghi hiệu “NS” trên vỏ mũ, nghi vấn hàng giả của Công ty TNHH thời trang NS nên Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Hà Bảo C và đưa Hà Bảo C, Sầm Thử D cùng vật chứng về trụ sở Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra làm rõ. C khai: mua vỏ mũ bảo hiểm đã sơn màu tại A5/12H LÁ 1-2-3, xã VLB, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh của Đỗ Quang H. Sau khi sản xuất mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu NS xong, C đem ra thị trường và bán cho Nguyễn V Q, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành khám xét khẩn cấp các địa điểm do C cung cấp, qua khám xét Cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của C và các đồng phạm. Trên cơ sở tang, tài vật thu giữ tại các nơi sản xuất, kinh doanh mũ bảo hiểm giả và kết quả điều tra ban đầu, Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt giữ, khởi tố bị can đối với Hà Bảo C, Đỗ Quang H và Nguyễn V Q.

Quá trình điều tra, mở rộng vụ án đã xác định được hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Hà Bảo C bắt đầu sản xuất mũ bảo hiểm trơn các loại không có nhãn hiệu để bán ra thị trường từ tháng 10/2020. Qua các mối quan hệ mua bán mũ bảo hiểm, C quen biết Đỗ Quang H có bán vỏ mũ bảo hiểm trơn không nhãn hiệu nên C liên hệ mua về sản xuất bán ra thị trường. Đến khoảng tháng 01/2021, C liên hệ H mua vỏ

mũ bảo hiểm đã sơn có chữ “NS” và logo trên vỏ nón các loại với giá từ 9.000 đồng/cái - 16.000 đồng/cái, C mua thêm các nguyên liệu khác bán trôi nổi trên thị trường để sản xuất thành nón bảo hiểm giả nhãn hiệu “NS” như: xốp đã được ép khuôn giống như vỏ mũ bảo hiểm, dây nón, miếng lót trong nón, khóa gài nón, mỏ nón, nút đóng nón, tem CR. Quá trình sản xuất, C tự thực hiện bằng cách sử dụng máy khoan lỗ trên vỏ nón, vô xốp, sử dụng máy đóng dây, đóng mỏ mũ bảo hiểm, đóng nút và vô xốp là ra được sản phẩm hoàn chỉnh. Mỗi tháng C sản xuất được khoảng 400 - 500 cái mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu “NS” các loại. C trực tiếp chở đi bán cho Nguyễn V Q giá sản phẩm thành phẩm loại có hoa văn, có màng phim giá 65.000 đồng/cái, loại có lỗ thông gió giá 27.000 đồng/cái, loại trơn giá 20.000 đồng/cái, thu lợi bất chính với số tiền từ 3.000 đồng/cái - 4.000 đồng/cái sau khi đã trừ đi hết tất cả các chi phí. Tính đến thời điểm bị bắt, C đã bán cho Q khoảng 1.500 cái mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu “NS” các loại, C thu lợi bất chính khoảng 6.000.000 đồng và dùng trả tiền thuê nhà, tiêu xài cá nhân, sinh hoạt gia đình.

Đỗ Quang H bắt đầu sản xuất sơn vỏ mũ bảo hiểm các loại từ tháng 6/2020 để bán ra thị trường. Sau đó, thông qua mối quan hệ xã hội, C chủ động liên lạc với H để đặt mua vỏ nón bảo hiểm trơn, không có in logo, nhãn hiệu để sản xuất mũ bảo hiểm các loại. Đến tháng 01/2021, C liên hệ H đặt mua vỏ mũ bảo hiểm có đóng logo “NS” trên vỏ nón để sản xuất nón bảo hiểm giả nhãn hiệu NS. Để sản xuất vỏ mũ bảo hiểm, H thuê địa điểm, thuê và chỉ đạo 04 nhân công gồm: NXN, NVH, PTV, LTD để cạo ba dờ vỏ mũ bảo hiểm thô có logo in chữ nổi “NS”. Thông qua mối quan hệ xã hội, H biết Lê Phong V có làm vỏ nón bảo hiểm thô các loại nên H liên hệ và gặp V và H biết V có số vỏ mũ bảo hiểm có in sẵn logo in chữ nổi “NS” do người khác đặt hàng nhưng bỏ không lấy, V muốn bán để thu hồi vốn nên H mua với giá 5.000 đồng/cái đem về làm hoàn chỉnh vỏ nón theo yêu cầu của C; H mua thêm máy móc, công cụ đã qua sử dụng trôi nổi trên thị trường như: xăng thơm, sơn màu và dung môi với, màng phim, tem nước hoa văn, túi nylon và thùng carton. Sau đó, H chỉ đạo công nhân sử dụng máy bơm, máy nén khí thổi phun sơn lên các vỏ mũ bảo hiểm thô, in hoa văn. Sau khi sơn xong, các vỏ mũ bảo hiểm có logo in chữ nổi “NS” theo yêu cầu của C, H cho vào túi nylon trắng và bỏ vào thùng carton giấy, mỗi thùng chứa từ 50 - 100 vỏ cái mũ bảo hiểm. H cho công nhân vận chuyển đến nhà C tại địa chỉ 17/18/15/30/16B LK5, phường BHH B, quận BT để bán với giá 9.000 đồng/cái - 16.000 đồng/cái. H thu lợi bất chính khoảng 2.000.000 đồng và dùng để tiêu xài cá nhân.

Nguyễn V Q và C có mối quan hệ thông qua mua bán các loại nón bảo hiểm trên thị trường. Đến khoảng tháng 01/2021, Q biết C có bán mũ bảo hiểm hiệu “NS” nên liên hệ với C mua với giá từ 40.000 đồng/cái - 50.000 đồng/cái. Sau đó, Q sử dụng tài khoản nguyênquang15121992 đăng nhập lên các trang mạng thương mại điện tử Shopee, Lazada, Sendo để đăng tải thông tin bán mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” các loại với giá từ 50.000 đồng/cái - 100.000 đồng/cái. Từ thời điểm tháng 01/2021 cho đến khi bị phát hiện, Q mua của C khoảng 2.000 cái mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu “NS” các loại, đã bán ra thị trường khoảng 500 cái mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu “NS” các loại, thu lợi bất chính số tiền khoảng 3.000.000 đồng, Q dùng để trả tiền nhà và tiêu xài cá nhân. Q biết rõ mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” mua của C là giả mạo “NS” chính hãng do Công ty TNHH Thời trang NS sản xuất và được bán trong hệ thống cửa hàng của Công ty (không bán trôi nổi trên thị

trường) vì “NS” do C bán không có hóa đơn, chứng từ, giá thấp hơn nhiều so với giá thị trường, không phải là mũ bảo hiểm “NS” chính hãng.

Kết quả xác minh tại các tổ chức, công ty sản xuất, mua bán “NS” chính hiệu trả lời như sau:

- Đại diện Công ty TNHH Thời trang NS (Công ty NS) xác nhận 170 cái mũ bảo hiểm ghi hiệu “NS” là mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu, kiểu dáng, chất lượng sản phẩm thật của công ty, trị giá tương đương hàng thật là 99.000.000 đồng (30 cái mũ bảo hiểm nhãn hiệu NS có hoa văn, có màng phim với giá 800.000 đồng/cái, 50 cái mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” lỗ thông gió với giá 600.000 đồng/cái, 90 cái mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” trơn với giá 500.000 đồng/cái). Ngoài ra, Công ty NS xác định không thuê, ủy quyền cho bị cáo Hà Bảo C gia công, sản xuất các sản phẩm nhãn hiệu “NS” nêu trên.

- Ngày 21/5/2021, Công ty NS có công văn số NS1304/CV2021 khẳng định: Các sản phẩm mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” đã thành phẩm thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Hà Bảo C và trong quá trình khám xét không phải hàng hóa do Công ty NS sản xuất; Công ty NS không có bất kỳ hợp đồng gia công và sản xuất, hợp đồng làm đại lý phân phối chính thức mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” đối với các cơ sở trên và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho chủ sở hữu cũng như người tiêu dùng; đồng thời, cung cấp tài liệu phân biệt rõ điểm khác biệt giữa các sản phẩm nghi giả nhãn hiệu “NS” với hàng chính hãng do Công ty NS sản xuất và cung cấp mẫu sản phẩm chính hãng và bảng giá từng sản phẩm phục vụ công tác giám định và định giá tài sản, cụ thể: Mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” có hoa văn, có màng phim giá 800.000 đồng/cái, mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” có lỗ thông gió giá 600.000đ đồng/cái, mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” trơn giá 500.000 đồng/cái. Công ty NS không thể xác định giá trị hàng gia công trong từng giai đoạn sản xuất của bị cáo Đỗ Quang H và Hà Bảo C tương đương với hàng thật là bao nhiêu.

- Ngày 23/6/2021, Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 25/VP2 phúc đáp công văn số 4842/PC03-Đ9 khẳng định: Các nhãn hiệu “NS và hình” đăng ký cho sản phẩm mũ bảo hiểm đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp các giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 211336 ngày 30/8/2013 (có hiệu lực đến ngày 06/12/2021, số công báo sở hữu công nghiệp 307B tháng 10/2013) và số 320389 ngày 16/5/2019 (có hiệu lực đến ngày 03/6/2026, số công báo sở hữu công nghiệp 375B tháng 6/2019) cho chủ sở hữu là Công ty TNHH Thời trang NS.

- Xác minh tại Công ty NS có ông Bùi Văn L công tác ở bộ phận sản xuất và cung cấp hình ảnh của ông L để nhận dạng nhưng ông V xác định hình ảnh ông L do Công ty NS cung cấp không phải người ký hợp đồng và giao khuôn ép cho ông V. Xác minh số điện thoại 0836117623 tại Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam xác định không còn lưu trữ trong cơ sở dữ liệu trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2018 đến ngày 31/8/2018.

Kết quả định giá tài sản: Ngày 19/8/2021, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự có kết luận định giá tài sản số 4867/KL-HĐĐGTS theo

yêu cầu định giá số 360-48 ngày 31/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giá trị tài sản trong vụ án bị cáo Hà Bảo C và đồng phạm có hành vi “Sản xuất, buôn bán hàng giả” là mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu “NS” theo giá trị thị trường tại thời điểm ngày 11/4/2021 vào khoảng 1.311.700.000 đồng, mức giá nêu trên đã bao gồm VAT. Trong đó:

- Tài sản thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Hà Bảo C là 170 cái mũ bảo hiểm giả thành phẩm nhãn hiệu NS trị giá 99.000.000 đồng. Trong đó: Mũ bảo hiểm thành phẩm giả nhãn hiệu NS loại trơn là 90 cái x đơn giá: 500.000 đồng/cái = 45.000.000 đồng, mũ bảo hiểm thành phẩm giả nhãn hiệu NS loại có lỗ thông gió là 50 cái x đơn giá: 600.000 đồng/cái = 30.000.000 đồng, mũ bảo hiểm thành phẩm giả nhãn hiệu NS loại có hoa văn là 30 cái x đơn giá: 800.000 đồng/cái = 24.000.000 đồng.

- Tài sản thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của bị cáo Hà Bảo C tại địa chỉ 17/18/15/30/16B LK5, phường BHH B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh là 570 cái mũ bảo hiểm giả thành phẩm nhãn hiệu NS trị giá 318.000.000 đồng. Trong đó: Mũ bảo hiểm thành phẩm giả nhãn hiệu NS loại trơn là 282 cái x đơn giá: 500.000 đồng/cái = 141.000.000 đồng, mũ bảo hiểm thành phẩm giả nhãn hiệu NS loại có lỗ thông gió là 267 cái x đơn giá: 600.000 đồng/cái = 160.200.000 đồng, mũ bảo hiểm thành phẩm giả nhãn hiệu NS loại có hoa văn là 21 cái x đơn giá: 800.000 đồng/cái = 16.800.000 đồng.

- Tài sản thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của bị cáo Nguyễn V Q tại địa chỉ: 38/5 liên khu 2-10, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.509 cái mũ bảo hiểm giả thành phẩm nhãn hiệu NS trị giá 894.700.000 đồng. Trong đó: Mũ bảo hiểm thành phẩm giả nhãn hiệu NS loại trơn là 243 cái x đơn giá: 500.000 đồng/cái = 121.500.000 đồng, mũ bảo hiểm thành phẩm giả nhãn hiệu NS loại có lỗ thông gió là 1.198 cái x đơn giá: 600.000 đồng/cái = 718.800.000 đồng, mũ bảo hiểm thành phẩm giả nhãn hiệu NS loại có hoa văn là 68 cái x đơn giá: 800.000 đồng/cái = 54.400.000 đồng.

Kết quả giám định:

Ngày 23/7/2021, Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 3131/C09B theo Quyết định trưng cầu giám định số 360-04 ngày 04/06/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 42/C09B ngày 17/12/2021 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Tem CR được dán trên mũ bảo hiểm cần giám định ký hiệu A4 không dán tem CR nên không tiến hành giám định, so sánh với tem được dán trên mẫu so sánh ký hiệu M4. Tem CR được dán trên mũ bảo hiểm cần giám định ký hiệu A1 đến A3, từ A5 đến A9 so với tem CR được dán trên mẫu so sánh tương ứng ký hiệu từ M1 đến M3, từ M5 đến M9 là không cùng bản in.

- Nhãn mác (là tấm nhãn mác màu đen nhãn hiệu “NS” được gắn kèm với mũ bảo hiểm) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3, A5, A6, A8, A9 so với nhãn mác của mũ bảo hiểm mẫu so sánh tương ứng ký hiệu M2, M3, M5, M6, M8, M9 là không cùng bản in. Trên mũ bảo hiểm cần giám định ký hiệu A1, A4, A7 không

có nhãn mác cần giám định nên không tiến hành giám định, so sánh với nhãn mác của các mũ bảo hiểm ký hiệu M1, M4, M7.

Ngày 09/7/2021, Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 3131-1/C09B theo Quyết định trưng cầu giám định số 360-04 ngày 04/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu nhựa của các mũ bảo hiểm cần giám định với mẫu nhựa so sánh có thành phần hóa học cơ bản khác nhau.

Ngày 25/3/2022, Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 1378/KL-KTHS theo Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 01/QĐ-CQCSĐT-ĐCSKT ngày 28/02/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân kết luận:

- Chữ “NS”, hình dáng chữ “S” trên vỏ mũ bảo hiểm của 09 (chín) mũ bảo hiểm cần giám định được ký hiệu từ A1 đến A9 so với chữ “NS”, hình dáng chữ “S” trên vỏ mũ bảo hiểm của 04 (Bốn) mũ bảo hiểm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là khác nhau.

- Hình dáng chữ “S” miếng lót trong của mũ bảo hiểm; Hình dáng nút quai và nút đóng mũ bảo hiểm của 06 (sáu) mũ bảo hiểm cần giám định ký hiệu A2, A3, A5, A6, A8, A9 so với hình dáng chữ “S” miếng lót trong của mũ bảo hiểm; Hình dáng nút quai và nút đóng mũ bảo hiểm tương ứng của 04 (bốn) mũ bảo hiểm so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là khác nhau.

- Không có hình dáng chữ “S” miếng lót trong của mũ bảo hiểm; Hình dán nút quai và nút đóng mũ bảo hiểm của mũ bảo hiểm cần giám định ký hiệu A1, A4, A7 nên không tiến hành giám định so sánh.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Hà Bảo C, Đỗ Quang H, Nguyễn V Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Hà Bảo C phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả”.

Xử phạt bị cáo Hà Bảo C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 11/4/2021 đến ngày 22/7/2021.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang H phạm tội “Sản xuất hàng giả”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang H 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 12/4/2021 đến ngày 22/7/2021.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn V Q phạm tội “Buôn bán hàng giả”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn V Q 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/3/2023, các bị cáo Hà Bảo C, Nguyễn V Q kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại; ngày 17/3/2023, bị cáo Đỗ Quang H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Hà Bảo C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, nếu Hội đồng xét xử không đồng ý hủy án thì xin được giảm nhẹ hình phạt vì Kết luận định giá là quá cao so với giá trị thực tế và số tiền thu lợi bất chính của bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn V Q giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, nếu Hội đồng xét xử không đồng ý hủy án thì xin được giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo không biết được sản phẩm NS là thương hiệu độc quyền, chỉ khi bị bắt, phát hiện bị cáo mới biết và bị cáo mới nhận thức được hành vi sai phạm của mình.

- Bị cáo Đỗ Quang H trình bày bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đang bị ung thư tuyến giáp đang điều trị, vợ bị cáo bị lao phổi, các con bị cáo còn nhỏ, hoàn cảnh kinh tế của gia đình rất khó khăn, bị cáo đã biết lỗi của mình và bị cáo xin gửi lời xin lỗi đến Công ty NS.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định nên hợp lệ, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hà Bảo C về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả”, xét xử bị cáo Đỗ Quang H về tội “Sản xuất hàng giả”, xét xử bị cáo Nguyễn V Q về tội “Buôn bán hàng giả” và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, nhận thức về mặt pháp luật có phần hạn chế, đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại và nộp lại số tiền thu lợi bất chính, lao động chính, có hoàn cảnh khó khăn cho các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Hà Bảo C và Nguyễn V Q không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét; Đối với bị cáo H chỉ là đồng phạm giúp sức cho C, làm giả phụ kiện (phần gáo) để cung cấp cho C sản xuất hoàn thiện sản phẩm, nên vai trò của H có phần hạn chế hơn, do đó đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Bảo C, Nguyễn V Q, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Quang H giảm nhẹ cho bị cáo từ 01 năm đến

01 năm 06 tháng tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Bảo C trình bày: Đồng ý về tội danh đã xét xử đối với bị cáo nhưng không đồng ý mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là quá cao, vì việc định giá không phù hợp, định giá cao hơn giá trị NS bán trên thị trường. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để định giá lại và xem xét vai trò của ông Lê Phong V; áp dụng thêm tình tiết đã khắc phục hậu quả vì bị hại là Công ty NS đã nhận và tự nguyện sung quỹ Nhà nước, xem xét cho bị cáo thêm tình tiết phạm tội do lạc hậu, trình độ thấp.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn V Q trình bày: Đồng ý về tội danh đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn V Q, về mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Q là quá cao. Ngoài ra, việc định giá không phù hợp với giá trị thực tế được bán trên thị trường, niêm yết giá của Công ty NS không khách quan. Bị cáo Q đã khắc phục hậu quả và có ông ngoại là liệt sỹ. Do bị cáo Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo với mức hình phạt phải chấp hành là 5 năm tù.

Các bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bào chữa bổ sung và không có ý kiến tranh luận.

Bị hại Công ty TNHH Thời trang NS, do ông NNT là đại diện theo ủy quyền trình bày: Thiệt hại của phía bị hại không thể tính bằng tiền, vì gây ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của NS. Nếu các bị cáo bồi thường thì đề nghị sung số tiền đó vào Ngân sách Nhà nước và bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp: Các Luật sư đều đồng ý về tội danh, chỉ không đồng ý về mức hình phạt vì cho rằng Kết luận định giá là cao so với thực tế. Tuy nhiên, Kết luận định giá đã được thực hiện đúng với quy định tố tụng hình sự. Các bị cáo phải nhận thức được hành vi của mình đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Về đề nghị của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đề nghị Hội đồng xem xét.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Hà Bảo C, Đỗ Quang H và Nguyễn V Q trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Hà Bảo C, Đỗ Quang H và Nguyễn V Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm, lời khai của

các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 10/2020, bị cáo Hà Bảo C đã đặt mua vỏ mũ bảo hiểm đã sơn màu được in dập logo giả hiệu “NS” đã sơn màu của bị cáo Đỗ Quang H và mua khuôn ép xốp, dây nón, khóa nón và các vật liệu khác trôi nổi trên thị trường đem về xưởng trực tiếp lắp ráp những bộ phận thành mũ bảo hiểm thành phẩm, với số lượng 2.249 cái trị giá tương đương hàng thật khoảng 1.311.700.000 đồng, trong đó bán cho bị cáo Nguyễn V Q với số lượng khoảng 2.009 cái; C thu lợi bất chính số tiền 6.000.000 đồng.

Bị cáo Đỗ Quang H biết bị cáo C có nhu cầu đặt mua vỏ mũ bảo hiểm đã sơn màu được in dập logo nhãn hiệu “NS” để sản xuất mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu “NS” thành phẩm để đem bán ra thị trường nên H đã tìm mua vỏ mũ bảo hiểm thô được in dập logo nhãn hiệu “NS”. Sau đó, chỉ đạo công nhân trực tiếp sơn màu và bán cho C để C lắp ráp thêm các phụ kiện cho ra “NS” thành phẩm. Bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự với số lượng mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu “NS” thành phẩm do bị cáo C sản xuất, với số lượng 2.249 cái, trị giá tương đương hàng thật khoảng 1.311.700.000 đồng; H thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn V Q biết rõ mũ bảo hiểm nhãn hiệu “NS” các loại mua của bị cáo C là nón giả có giá trị thấp hơn nhiều so với giá NS chính hiệu bán trên thị trường và không có hóa đơn chứng từ rõ nguồn gốc xuất xứ với số lượng khoảng 2.000 cái (gồm 1.509 cái thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại địa chỉ: 38/5 đường L 2 - 10, phường BHH A, quận B T, trị giá tương đương hàng thật là 894.700.000 đồng và khoảng 500 cái bị cáo Q đã bán ra thị trường). Hành vi của bị cáo Q phải chịu trách nhiệm hình sự với số lượng mũ bảo hiểm giả nhãn hiệu NS thành phẩm là 1.509 cái, trị giá tương đương hàng thật là 894.700.000 đồng; Q thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Hà Bảo C đã phạm vào tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Đỗ Quang H đã phạm vào tội “Sản xuất hàng giả” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Nguyễn V Q đã phạm vào tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo Hà Bảo C, Đỗ Quang H và Nguyễn V Q: Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh khó khăn, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của NS trình bày số tiền mà các bị cáo nộp khắc phục hậu quả, Công ty tự nguyện đề nghị sung vào Ngân sách Nhà nước và đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hà Bảo C thừa nhận hành vi phạm tội nhưng đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm vì Kết luận định giá là quá cao so với giá trị thực tế và bị cáo chỉ thu lợi bất chính 6.000.000 đồng, nếu Hội đồng xét xử không hủy Bản án sơ thẩm thì xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn V Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng bị cáo không nhận thức được hành vi đó là vi phạm pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hai bị cáo Hà Bảo C và Nguyễn V Q đều kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, tại phiên tòa đề nghị hủy Bản án, nếu Hội đồng xét xử không hủy Bản án sơ thẩm thì xin giảm nhẹ hình phạt, như vậy các bị cáo C và Q không thể hiện sự ăn năn hối cải của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, vai trò của các bị cáo để có mức hình phạt như trên là phù hợp.

Đối với bị cáo Đỗ Quang H: Bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi sai phạm của mình, bị cáo đã nhận thức hành vi của mình làm ảnh hưởng đến Công ty NS cũng như người tiêu dùng sản phẩm NS, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty NS và tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã hưởng lợi, bị cáo xin lỗi phía bị hại là Công ty NS. Ngoài ra, bị cáo mắc bệnh và đang điều trị ung thư tuyến giáp và vợ bị cáo đang bệnh lao phổi, hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, các con bị cáo còn nhỏ. Mặt khác, bị cáo H chỉ thực hiện việc cạo ba dờ và sơn vỏ mũ bảo hiểm thô, rồi giao cho C; vai trò của bị cáo H cũng có phần hạn chế, đồng phạm giúp sức cho bị cáo C, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H.

[4] Về ý kiến của các Luật sư: Hội đồng xét xử xét thấy Theo Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 114/2022/HSST-QĐ ngày 18/11/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã yêu cầu điều tra làm rõ vai trò, hành vi của ông Lê Phong V có dấu hiệu đồng phạm với Đỗ Quang H trong việc sản xuất hàng giả; làm rõ vai trò, hành vi của Lê Anh Minh (con ruột của Lê Phong V) và Đặng Hồng Quế (vợ của Lê Phong V) là những người thực hiện việc giao hàng cho Đỗ Quang H; làm rõ vai trò, hành vi của NXN, PTV, LTD, NVH có dấu hiệu đồng phạm với Đỗ Quang H, là những người làm thuê cho H, thực hiện việc cạo ba dờ và sơn vỏ mũ bảo hiểm thô. Tại Công văn hoàn hồ sơ số 04/CV-VKS ngày 08/12/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân xác định: Hành vi của Lê Phong V không đủ yếu tố cấu thành tội phạm; hành vi của Lê Anh Minh, Đặng Hồng Quế không đủ cơ sở để xử lý; hành vi của NXN, PTV, LTD, NVH không đủ yếu tố cấu thành tội “Sản xuất hàng giả”. Về Kết luận định giá đã được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã thực hiện đúng quy định pháp luật căn cứ trên giá niêm yết sản phẩm.

Các lập luận trên cũng là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và không chấp nhận các quan điểm bào chữa của các Luật sư.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo Hà Bảo C, Nguyễn V Q không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của bị cáo Đỗ Quang H được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Bảo C, Nguyễn V Q; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Quang H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hà Bảo C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả”.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 11/4/2021 đến ngày 22/7/2021.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn V Q 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Buôn bán hàng giả”.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang H 05 (năm) năm tù về tội “Sản xuất hàng giả”.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 12/4/2021 đến ngày 22/7/2021.

Các bị cáo Hà Bảo C, Nguyễn V Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đỗ Quang H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| - TANDTC; | (1) |
| - TAND Cấp Cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - P.PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - TAND quận Bình Tân; | (1) |
| - VKSND quận Bình Tân; | (1) |
| - Công an quận Bình Tân; | (1) |
| - Chi cục THADS quận Bình Tân; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |

Phạm Uyên Thy

- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (25). (7)